

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 156/2024/KDTM-ST
Ngày: 19/9/2024
V/v: “Tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hồng Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hiền

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hạnh

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Kim Cương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thu – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13 và 19 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2022/TLST- KDTM ngày 01 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 311/2024/QĐXXST-DS ngày 17/6/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 264/2024/QĐST-DS ngày 16/7/2024 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 26/2024/QĐST-DS ngày 15/8/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH N D; Địa chỉ: Số mm, xã H, huyện D, tỉnh B; Người đại diện theo ủy quyền: ông Đàm V T, sinh năm 19xx (Giấy ủy quyền ngày 08/8/2022 – ông Đàm V T có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Công ty TNHH B – nay là Công ty TNHH T; Địa chỉ: số rrr Đường số e, Phường t, quận G, Thành phố H; Người đại diện theo pháp luật: ông Trần B Đ, sinh năm 20xx; Địa chỉ: yy T, Phường u, quận P, Thành phố H (ông Trần B Đ có đơn xin vắng mặt).

3. Người làm chứng:

- Bà Trần T L P, sinh năm 19xx; Địa chỉ: ww Đường số rr, phường L, thành phố T, Thành phố H (vắng mặt).

- Ông Vũ H N, sinh năm 19xx; Địa chỉ: ww Đường số rr, phường L, thành phố T, Thành phố H (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các buổi làm việc tại Tòa án, phía nguyên đơn (Công ty TNHH Sản xuất Nông sản sạch Nam Dương), trình bày:

Công ty TNHH N D (sau đây gọi tắt là bên A hoặc nguyên đơn) và Công ty TNHH B (nay là Công ty TNHH T – sau đây gọi tắt là bên B hoặc bị đơn) đã ký hợp đồng cung cấp các thiết bị trồng nấm số 0026/HĐMB/HN-CNV/2021.

Do tình hình dịch bệnh Covid 19 nên hai bên không gặp gỡ bàn bạc trực tiếp mà chỉ thỏa thuận qua tin nhắn và gửi hợp đồng cho nhau thông qua thư điện tử (e-mail) nên trong hợp đồng không có ngày tháng cụ thể.

Nội dung cơ bản của hợp đồng:

- Bên B cung cấp các thiết bị máy móc trồng nấm cho bên A tại địa chỉ số tt H, xã M, huyện D, tỉnh B.

- Tổng giá trị sau thuế của hợp đồng: 170,170,000 đồng.

- Thanh toán:

+ Lần 01: ngay sau khi ký hợp đồng, bên A chuyển cho bên B 119,119,000 đồng (70% giá trị của hợp đồng);

+ Lần 2: Sau khi nhận được các thiết bị, máy móc, bên A chuyển cho bên B 51,051,000 đồng (30% còn lại của hợp đồng).

Thực hiện hợp đồng, ngày 28/6/2021, bên A đã chuyển cho bên B 119,119,000 đồng.

Ngày 20/10/2021 bên A chuyển cho bên B số tiền còn lại của hợp đồng là 51,051,000 đồng.

Như vậy, bên A đã chuyển cho bên B đầy đủ toàn bộ giá trị của hợp đồng là 170,170,000 đồng.

Bên B đã nhận đầy đủ toàn bộ số tiền của hợp đồng nhưng cho đến nay vẫn không giao hàng cho bên A.

Vì bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ giao hàng nên nay nguyên đơn yêu cầu:

- Hủy bỏ hợp đồng cung cấp các thiết bị trồng nấm số 0026/HĐMB/HN-CNV/2021 giữa Công ty TNHH N D và Công ty TNHH B (nay là Công ty TNHH T).

- Công ty TNHH B (nay là Công ty TNHH T) hoàn trả cho Công ty TNHH N D 170,170,000 đồng.

- Công ty TNHH B (nay là Công ty TNHH T) phải trả tiền lãi trên số tiền 170,170,000 đồng với lãi suất 10%/năm tính từ ngày 21/10/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm và cho đến khi bị đơn thanh toán xong khoản nợ.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 20/3/2023 và ngày 10/5/2023 bà Trần T L P (người đại diện theo pháp luật của bị đơn từ 28/9/2020 đến 04/01/2023 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 28/9/2020), trình bày:

Bà Trần T L P xác nhận bị đơn đã nhận đủ số tiền trong hợp đồng và đã giao máy làm phôi nắm cho nguyên đơn. Nhưng tại thời điểm giao hàng do tình hình dịch bệnh nên hai bên không có sự giao nhận trực tiếp nên không có biên bản giao nhận hàng. Sau khi nhận được tiền lần đầu bị đơn đã thuê xe vận chuyển hàng cho nguyên đơn tại xã M, huyện D, tỉnh Bình D và giao cho bảo vệ, tuy nhiên bà P không có thông tin về người nhận hàng để cung cấp cho Tòa án.

Ngày 27/02/2023, ông Vũ H N – tự khai là Phó Giám đốc của Công ty TNHH D – cung cấp cho Tòa án bản photo Biên bản họp hội đồng thành viên Công ty TNHH N D... năm 2021, có nội dung: ...Hội đồng thành viên quyết định bổ nhiệm ông Vũ H N làm Phó Giám đốc công ty. Ông Vũ H N xác nhận bị đơn đã giao máy làm nắm cho nguyên đơn khoảng 1, 2 tháng sau khi hai bên ký Hợp đồng.

Đại diện nguyên đơn (ông Đàm V T) có ý kiến đối với lời trình bày của ông Vũ H N như sau: Hội đồng thành viên Công ty TNHH N D có họp và thống nhất bổ nhiệm ông Vũ H N làm Phó Giám đốc phụ trách lĩnh vực sản xuất nắm. Tuy nhiên, sau đó do thấy ông Nam không phù hợp nên Công ty TNHH N D không chính thức bổ nhiệm ông Vũ H N làm Phó Giám đốc, ông N cũng chưa từng làm việc ngày nào với tư cách là nhân viên của công ty.

Ngày 03/8/2023 bà Trần T L P gửi văn bản trình bày về việc Công ty TNHH B đã được đổi tên thành Công ty TNHH T và bà P không còn là người đại diện theo pháp luật của công ty.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, kết quả: Công ty TNHH B – nay là Công ty TNHH T (mã số doanh nghiệp: 0316450848), đăng ký lần đầu ngày 21/8/2020; đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 28/9/2020 tên: Công ty TNHH B, địa chỉ trụ sở: yy Liên khu u, phường B, quận B, Thành phố H, người đại diện theo pháp luật: bà Trần T L P; đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 04/01/2023, thành: Công ty TNHH T, địa chỉ trụ sở: rr Đường số e, Phường t, quận G, Thành phố H, người đại diện theo pháp luật: ông Trần B Đ, sinh ngày 07/11/20xx, chứng minh nhân dân số 21243xxxx, ngày cấp: 13/8/20xx; nơi cấp: Công an tỉnh Q N.

Ông Trần B Đ trình bày: Khoảng ba năm trước ông Trần B Đ làm mất Chứng minh nhân dân số 21243xxxx do Công an Q N cấp ngày 13/8/20xx. Sau đó ông Đ đã làm lại căn cước công dân và được cấp số mới là 051201xxxxxx ngày 13/4/20xx, từ đó cho đến nay ông Đ sử dụng căn cước công dân mới này.

Ông Trần B Đ không biết mình là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH B (nay là Công ty TNHH T), ông Đ không đăng ký doanh nghiệp này cũng chưa từng làm việc tại doanh nghiệp này.

Ông Trần B Đ cho rằng ai đó đã nhặt được Chứng minh nhân dân số 21243xxxx của ông Đ do Công an Q N cấp ngày 13/8/20xx và đã đăng ký thay đổi Công ty TNHH B thành Công ty TNHH T.

Tòa án đã giải thích cho ông Trần B Đ về nghĩa vụ chứng minh ông Đ không phải là đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH T trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày 22/11/2023 nhưng đến nay ông Trần B Đ vẫn không nộp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho Tòa án.

Ngày 12/8/2024, phía nguyên đơn rút yêu cầu về việc bị đơn phải trả khoản tiền lãi với lãi suất 10%/năm tính từ ngày 21/10/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm và cho đến khi bị đơn thanh toán xong khoản nợ.

Nay nguyên đơn còn lại những yêu cầu sau đây:

- Hủy bỏ hợp đồng cung cấp các thiết bị trồng nấm số 0026/HĐMB/HN-CNV/2021 giữa Công ty TNHH N D và Công ty TNHH B (nay là Công ty TNHH T).

- Công ty TNHH B (nay là Công ty TNHH T) hoàn trả số tiền mà Công ty TNHH N D đã thanh toán là 170,170,000 đồng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký, nguyên đơn: tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn chưa tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Ý kiến về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ phần yêu cầu mà nguyên đơn đã rút và chấp nhận phần yêu cầu còn lại của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

[1. 1] Đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại phát sinh từ Hợp đồng cung cấp các thiết bị trồng nấm số 0026/HĐMB/HN-CNV/2021 giữa Công ty TNHH N D (sau đây gọi là nguyên đơn) và Công ty TNHH B (nay là Công ty TNHH T).

[1. 2] Tại thời điểm thụ lý vụ án bị đơn có địa chỉ tại số yy Liên khu u, phường B, quận B, Thành phố H, căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người đại diện theo pháp luật của bị đơn có đơn xin vắng mặt; người làm chứng vắng mặt không lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3. 1] Xét Hợp đồng cung cấp các thiết bị trồng nấm số 0026/HĐMB/HN-CNV/2021, thấy rằng: nguyên đơn và bị đơn là hai pháp nhân có đăng ký kinh doanh, thỏa thuận ký hợp đồng trên tinh thần tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên đây là giao dịch hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

[3. 2] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ có cơ sở xác định nguyên đơn đã chuyển đầy đủ toàn bộ số tiền của hợp đồng cho bị đơn.

[3. 3] Xét ý kiến và các tài liệu chứng cứ do phía bị đơn giao nộp, Hội đồng xét xử thấy rằng bị đơn đã nhận toàn bộ số tiền của hợp đồng nhưng ngoài lời khai không có tài liệu, chứng cứ trực tiếp chứng minh bị đơn đã giao hàng cho nguyên đơn.

[3. 4] Xét ý kiến và tài liệu, chứng cứ do ông Vũ H N giao nộp, Hội đồng xét xử xét thấy, tại biên bản họp hội đồng thành viên Công ty TNHH N D năm 2021 (không ghi rõ ngày, tháng), có nội dung: Hội đồng thành viên quyết định bổ nhiệm ông Vũ H N làm Phó Giám đốc Công ty. Tuy nhiên, ngay tại biên bản này cũng có nội dung: Giám đốc công ty là bà Nguyễn N C có trách nhiệm ban hành quyết định bổ nhiệm chức danh Phó Giám đốc công ty đối với ông Vũ H N, nhưng ông Vũ H N không cung cấp được tài liệu này nên không có cơ sở xác định ông Vũ H N là Phó Giám đốc Công ty TNHH N D.

Mặt khác, Hội đồng xét xử nhận thấy, bà Trần T L P và ông Vũ H N có cùng địa chỉ thường trú *tại số ww Đường rr, khu phố t, phường L, quận T, Thành phố Hồ* nên lời khai và tài liệu, chứng cứ do Vũ H N giao nộp là không khách quan.

[3. 5] Xét ý kiến của ông Trần B Đ, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án đã giải thích cho ông Trần B Đ nghĩa vụ phải chứng minh ông Trần B Đ không phải là đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH B – nay là Công ty TNHH T nhưng đến nay ông Trần B Đ vẫn không nộp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho Tòa án nên phải chịu trách nhiệm về việc không chứng minh.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng, phía nguyên đơn đã thanh toán đầy đủ giá trị của hợp đồng nhưng cho đến nay bị đơn không giao hàng là vi phạm nghĩa vụ cơ bản của hợp đồng. Căn cứ quy định tại các điều 34, 312 và 314 Luật thương mại năm 2005, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

- Hủy bỏ hợp đồng cung cấp các thiết bị trồng nấm số 0026/HĐMB/HN-CNV/2021 giữa Công ty TNHH N D và Công ty TNHH B.

- Công ty TNHH B trả cho Công ty TNHH N D số tiền 170,170,000 đồng.

[4] Xét đơn rút yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả khoản tiền lãi. Thấy rằng, việc rút yêu cầu của đương sự là tự nguyện, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ yêu cầu này của nguyên đơn.

[5] Các ý kiến, đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát quận Bình Tân tại phiên tòa về hình thức và nội dung là phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[6] Về án phí:

[6. 1] Công ty TNHH N D được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6. 2] Công ty TNHH B (nay là Công ty TNHH T) phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; khoản 2 Điều 92; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các điều 24, 34, 312, khoản 2 Điều 314 của Luật Thương mại năm 2005.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH N D về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” đối với Công ty TNHH B (nay là Công ty TNHH T).

- Hủy bỏ toàn bộ hợp đồng cung cấp các thiết bị trồng nấm số 0026/HĐMB/HN-CNV/2021 giữa Công ty TNHH N D và Công ty TNHH B.

- Công ty TNHH B (nay là Công ty TNHH T) phải trả cho Công ty TNHH N D số tiền là 170,170,000 (một trăm bảy mươi triệu, một trăm bảy mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005.

2. Đình chỉ yêu cầu của Công ty TNHH N D về việc yêu cầu Công ty TNHH B (nay là Công ty TNHH T) phải trả khoản tiền lãi trên số tiền gốc 170,170,000 đồng tính từ ngày 21/10/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm và cho đến khi bị đơn thanh toán xong khoản nợ.

3. Về án phí:

3. 1. Hoàn lại cho Công ty TNHH N D số tiền 4,254,250 (bốn triệu, hai trăm năm mươi bốn nghìn, hai trăm năm mươi) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0034227 ngày 31/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. 2. Công ty TNHH B (nay là Công ty TNHH T) phải nộp 8,508,500 (tám triệu, năm trăm lẻ tám nghìn, năm trăm) đồng án phí sơ thẩm.

4. Quyền và thời hạn kháng cáo: đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.Bình Tân;
- Chi cục THA.DS Q.Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Liên